TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24. 5. 2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lê Thị Thu Huệ và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Minh Tâm -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Ông **Trương Quang Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 669/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Bà Trần Thị K, sinh năm 1963; Địa chỉ: 232 đường Đ, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1960; Địa chỉ: 232 đường Đ, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, nguyên đơn là bà Trần Thị K trình bày:***

Tôi và ông Nguyễn Đức H kết hôn năm 1985, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Lộc Đán, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vào năm 2014, ông H có đánh đập tôi và có quan hệ với người phụ nữ khác. Sau đó, ông H đã bỏ nhà đi được hơn 01 năm nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Nguyễn Kim H.

***** Về con chung: Chúng tôi có 05 con chung là:

1/ Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 19/8/1987,

2/ Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/6/1989,

3/ Nguyễn Đức T, sinh ngày 09/02/1994,

4/ Nguyễn Thị Thanh P, sinh ngày 09/05/1996,

5/ Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/1998

Các con chung đã thành niên nên tôi không đề cập

* Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên các phương tiện thông tin đại chung và triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Đức H nhưng ông H không có mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà K được ly hôn với ông H. Về con chung đã thành niên nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Trần Thị K và ông Nguyễn Đức H là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân dự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức H là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị K kết hôn năm 1985, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Lộc Đán, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, ông H và bà K đã phát sinh mâu thuẫn. Bà K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Huỳnh đánh đập bà và có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông H đã bỏ nhà đi được hơn 01 năm nên bà K yêu cầu ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng bà K ông H thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc bà K yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà K ông H đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc ly hôn với ông Nguyễn Đức H là phù hợp.

* Về con chung, ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị K có 05 con chung:

1/ Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 19/8/1987,

2/ Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 08/6/1989,

3/ Nguyễn Đức T, sinh ngày 09/02/1994,

4/ Nguyễn Thị Thanh P, sinh ngày 09/05/1996,

5/ Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 01/7/1998

Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập.

* Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị K phải chịu 300.0000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K về việc "*Ly hôn*" đối với ông Nguyễn Đức H.

2. **Xử:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

* Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không đề cập

* Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu số 7908 ngày 18.11.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q. Thanh Khê;*
- *Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;*
- *UBND phường Chính Gián;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đặng Ngọc Cường